

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định về việc ban hành Quy chế công bố thông tin số 1478/QĐ-XMHT ngày 06/5/2016)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

#### 1. Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu

##### a. Chỉ tiêu sản xuất

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Clinker:       | 3.226.235 tấn          |
| - Xi măng:       | 3.956.729 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 448.244 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 5.391 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 28.104.200 cái         |

##### b. Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Xi măng:       | 3.967.939 tấn          |
| - Clinker:       | 1.362.804 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 438.218 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 4.066 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 28.059.463 cái         |

2. Doanh thu: 4.951 tỷ đồng

3. Lợi nhuận trước thuế: 495 tỷ đồng

4. Nộp Ngân sách: 332 tỷ đồng

### II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Trước những khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh diễn biến khó lường trên toàn cầu, mưa đá lũ lụt, hạn hán xâm nhập mặn tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long... Công ty sẽ tập trung chỉ đạo, phát huy tối đa nội lực, nỗ lực phấn đấu nhằm tiết giảm chi phí trong quản lý, mua sắm, hoạt động sản xuất kinh doanh và đặt ra mục tiêu như sau:

#### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

##### a. Chỉ tiêu sản xuất

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Clinker:       | 3.260.000 tấn          |
| - Xi măng:       | 4.400.000 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 435.000 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 6.748 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 28.000.000 cái         |



*b. Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm*

|                  |                        |
|------------------|------------------------|
| - Xi măng:       | 4.400.000 tấn          |
| - Clinker:       | 1.150.000 tấn          |
| - Đá xây dựng:   | 400.000 m <sup>3</sup> |
| - Gạch chịu lửa: | 6.700 tấn              |
| - Vỏ bao:        | 28.000.000 cái         |

1.2. Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:

- + Lợi nhuận trước thuế: 405,50 tỷ đồng.

1.3. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm:

- + Giữ vững hợp lý cơ cấu sản phẩm xi măng bao, tăng thị phần xi măng rời trên cơ sở giảm giá thành sản xuất.
- + Tại Miền Bắc, giữ vững thị phần xi măng Hoàng Thạch tại các địa bàn cốt lõi. Gia tăng thị phần tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên.
- + Linh hoạt trong cơ chế, chính sách bán hàng để phù hợp với thực tế thị trường và định hướng của VICEM.

**2. Kế hoạch đầu tư phát triển**

- + Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: 487,59 tỷ đồng.
- + Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 487,59 tỷ đồng.

**III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Giải pháp về tài chính**

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế chính xác, kịp thời phục vụ quản trị điều hành, cân đối dòng tiền hiệu quả, giảm chi phí lãi vay.
- Rà soát các danh mục tài sản không sinh lời, công nợ tồn đọng để xử lý thu hồi vốn. Kiểm soát nguồn vốn, công nợ, xử lý vật tư phụ tùng tồn kho.
- Thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp theo lộ trình của Tổng Công ty.

**2. Giải pháp về sản xuất**

- Triển khai nội dung theo chương trình “Tuyên bố Hà Nội” của VICEM ngày 09/02/2020 về nghiên cứu, phát kiến, phát minh công nghệ sản xuất xi măng thế hệ mới “Không phát thải - Tuân hoàn tự nhiên”; Triển khai thử nghiệm việc đốt rác thải để thay thế than, nghiên cứu sử dụng bùn thải để thay thế sét, sử dụng tro, xỉ và thạch cao nhân tạo.
- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.
- Tăng năng suất lao động với giải pháp nâng cao năng suất thiết bị, kéo dài thời gian hoạt động của thiết bị, tối ưu hóa vận hành.
- Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra, lập kế hoạch sửa chữa kịp thời, hợp lý, sửa chữa nhanh, triệt để.
- Tăng cường kiểm soát, quản lý chất lượng nguyên, nhiên vật liệu; Quản lý mức tồn kho đối với từng nguyên, nhiên vật liệu; Lựa chọn nguồn phụ gia, tỷ lệ cấp phối phụ gia để xây dựng bài phối liệu phục vụ cho sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

### 3. Giải pháp về tiêu thụ

- Áp dụng công nghệ thông tin 4.0 trong hỗ trợ NPPC quản lý chuỗi hệ thống, bán hàng online, quản lý thương vụ, quản lý vận tải.
- Vận hành hiệu quả trạm trung chuyển tại Quy Nhơn, có biện pháp phối hợp với cảng Quy Nhơn để các tàu vào cấp hàng cho trạm được nhanh chóng và thuận lợi nhất hạn chế tối đa hiện tượng thiếu hàng tại trạm, đồng thời nghiên cứu để đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển xi măng tại khu vực Nam Trung Bộ.
- Khai thác phân khúc hàng công trình khu vực miền Trung-Tây Nguyên để tăng sản lượng xi măng tiêu thụ tại khu vực này.
- Đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong nước và tiếp tục tìm kiếm khách hàng, thị trường để xuất khẩu xi măng.

### 4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, sắp xếp lao động hợp lý để đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động so với năm 2019
- Tiếp tục triển khai dự án xây dựng chế độ tiền lương - KPI; Xây dựng quy chế lương mới của Công ty.
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đánh giá hiệu quả công việc KPI vào việc trả lương thưởng.
- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty phù hợp với chiến lược của VICEM.
- Phát triển đội ngũ quản lý và chuyên viên quản lý nhân sự chuyên nghiệp.

### 5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

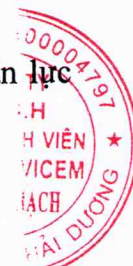
- Nghiên cứu đầu tư chiều sâu để xử lý các nút thắt về dây chuyền công nghệ, nâng cao năng suất thiết bị, tối ưu hóa vận hành.
- Áp dụng tiến bộ khoa học, cải tiến kỹ thuật, giảm tối đa các chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn/định mức nội bộ.
- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá tình trạng máy móc thiết bị theo định kỳ.

### 6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Kiểm soát nguồn vốn, công nợ, xử lý vật tư phụ tùng tồn kho.
- Áp dụng mô hình quản lý chi phí giá thành theo 5 công đoạn, 7 phân đoạn và đánh giá tính hiệu quả của mô hình.
- Thực hiện công tác tài chính linh hoạt nhằm phát huy tối đa nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### 7. Giải pháp khác

- Thực hiện các công tác ATVSLĐ, PCCN, BVMT, an toàn sức khỏe nghề nghiệp tuân thủ theo quy định của pháp luật, các hệ thống quản lý ISO trong Công ty.
- Cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp theo đúng lộ trình của VICEM.



**IV. BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020**

| <b>TT</b> | <b>Các chỉ tiêu</b>                             | <b>ĐVT</b>     | <b>Kế hoạch</b> |
|-----------|---|----------------|-----------------|
| 1         | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu                  |                |                 |
| 1.1       | <i>Chỉ tiêu sản xuất</i>                        |                |                 |
|           | - Clinker                                       | tấn            | 3.260.000       |
|           | - Xi măng                                       | tấn            | 4.400.000       |
|           | - Đá xây dựng                                   | m <sup>3</sup> | 435.000         |
|           | - Gạch chịu lửa                                 | tấn            | 6.748           |
|           | - Vỏ bao  | 1.000 cái      | 28.000          |
| 1.2       | <i>Chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm</i>               |                |                 |
|           | - Xi măng                                       | tấn            | 4.400.000       |
|           | - Clinker                                       | tấn            | 1.150.000       |
|           | - Đá xây dựng                                   | m <sup>3</sup> | 400.000         |
|           | - Gạch chịu lửa                                 | tấn            | 6.700           |
|           | - Vỏ bao  | 1.000 cái      | 28.000          |
| 2         | Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích<br>(nếu có) |                |                 |
| 3         | Doanh thu                                       | Tỷ đồng        | 5.188,41        |
| 4         | Lợi nhuận trước thuế                            | Tỷ đồng        | 405,50          |
| 5         | Nộp ngân sách                                   | Tỷ đồng        | 334,88          |
| 6         | Tổng vốn đầu tư                                 | Tỷ đồng        | 487,59          |
| 7         | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)                    | 1.000 USD      |                 |
| 8         | Các chỉ tiêu khác                               |                |                 |

Trân trọng báo cáo./. *evp*

**Nơi nhận:**

- Cục phát triển DN (Bộ KH&ĐT);
- Bộ Xây dựng;
- VICEM;
- Trang thông tin điện tử của Công ty;
- Lưu: VT, KHCL.

*UAB?*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Le Xuan Khoi*  
**Lê Xuân Khôi**